| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH LỤC**<br>**TỈNH HÀ NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 7 - 2020
V/v: Tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Huy Sự và bà Dương Thị Hiền.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/5/2020 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Bùi Thị U (tên gọi khác: Bùi Thị Tố U), sinh năm 1975; nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

***2. Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1968; nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam; hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm điều trị ma túy và phục hồi chức năng tâm thần Hà Nam; địa chỉ: Thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2020 và tại bản tự khai ngày 26/5/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Bùi Thị U trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau vào ngày 04/5/1991, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q nghiện ma túy, không chịu lao động, mang hết tài sản của vợ chồng đi bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Chị và gia đình có khuyên bảo thì anh Q không nghe mà còn đánh chửi chị, kinh tế khó khăn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nhưng vì thương con còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng. Đến năm 2014 anh Q bị Tòa án nhan dân huyện B xử phạt 36 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", sau khi chấp hành xong hình phạt tù về thì anh Q vẫn nghiện ma túy; ngày 07/3/2019 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã Quyết định cho anh Q đi

cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng, hiện anh Q đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm điều trị ma túy và phục hồi chức năng tâm thần Hà Nam; địa chỉ: Thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam; vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 3/2019 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2020, bị đơn - anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh và chị Bùi Thị U tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/5/1991 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh không tu trí làm ăn, nghiện ma túy; gia đình và chị U có khuyên bảo nhưng anh không cai nghiện được, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau; năm 2014 anh bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 36 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; đến ngày 07/3/2019 anh bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng; hiện anh đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm điều trị ma túy và phục hồi chức năng tâm thần Hà Nam. Nay chị U xin ly hôn anh, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn chị U. Do anh đang chấp hành Quyết định cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm điều trị ma túy và phục hồi chức năng tâm thần Hà Nam, không thể có mặt tham gia giải quyết vụ án tại Toà án được nên anh đã có đơn đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về con chung: Chị U và anh Q đều xác định vợ chồng có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 16/5/1992, Nguyễn Thị T, sinh ngày 24/01/1996, Nguyễn Văn V, sinh ngày 11/3/2000; hiện cả 03 cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành và sống tự lập. Ly hôn, anh chị đều không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị U và anh Q đều xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị U xác định vợ chồng không có tài sản chung gì, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Q xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất ở quê và 01 thửa đất ở huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; 01 gian hàng ở chợ Xanh, thành phố Hà Nội nhưng do anh đang cai nghiện bắt buộc tại trung tâm cai nghiện nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này, khi nào anh chấp hành xong anh sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

- Về đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị U và anh Q đều xác định anh chị mỗi người có 1,4 sào ruộng tiêu chuẩn tại xã Đ, huyện B. Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị U vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục có quan điểm: Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS;

chị U, anh Q đã chấp hành và thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS, anh Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị U và anh Nguyễn Văn Q; án phí ly hôn sơ thẩm: Chị U, anh Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị U xin ly hôn anh Nguyễn Văn Q, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về *"Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; anh Q có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị U và anh Nguyễn Văn Q là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/5/1991 tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. Tại thời điểm kết hôn thì chị Uyên đã xuất trình với UBND xã Đ các giấy tờ chứng minh chị đã đủ tuổi kết hôn và họ tên chị là Bùi Thị Tố U, sinh năm 1973 nên UBND xã Đ, huyện B đã đăng ký kết hôn cho chị với anh Q là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q không tu chí làm ăn, nghiện ma túy, anh Q đã mang tài sản của gia đình đi bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, kinh tế khó khăn; chị U và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q không nghe, vẫn nghiện ma túy và thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy; vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau. Năm 2014, anh Quang bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 36 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; ngày 07/3/2019 anh Q bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2019 đến nay, trong thời gian anh Q đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm điều trị ma túy và phục hồi chức năng tâm thần Hà Nam thì chị U không đến thăm nom và cũng không quan tâm gì. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn tình cảm với nhau nữa, khả năng đoàn tụ là khó. Do điều kiện anh Q đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm điều trị ma túy và phục hồi chức năng tâm thần Hà Nam nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự được, Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được vào ngày 15/6/2020. Vì vậy, xử cho chị U được ly hôn anh Q là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị U và anh Q có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 16/5/1992, Nguyễn Thị T, sinh ngày 24/01/1996, Nguyễn Văn V, sinh ngày 11/3/2000; hiện cả 03 cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành và sống tự lập. Anh chị đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị U, anh Q đều xác định không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị U và anh Q mỗi người có 1,4 sào ruộng tiêu chuẩn tại xã Đ. Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị U xác định vợ chồng không có tài sản chung gì, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Q xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất ở xã Đ và 01 thửa đất ở huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; 01 gian hàng ở chợ Xanh, thành phố Hà Nội. Xét thấy anh Q đang cai nghiện bắt buộc theo Quyết định của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục tại Trung tâm điều trị ma túy và phục hồi chức năng tâm thần Hà Nam, bản thân anh Q có quan điểm không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, khi nào anh chấp hành xong Quyết định của Tòa án về việc cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm thì anh sẽ đề nghị Tòa án giải quyết phần tài sản chung của vợ chồng anh bằng vụ án khác, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị U phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

**1.** Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị U (tên gọi khác: Bùi Thị Tố U) và anh Nguyễn Văn Q.

**2.** Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị U phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị U đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0002552 ngày 25/5/2020 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Uyên phải nộp. (Chị Uyên đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho chị U biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh Q biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Ngân**

*Nơi nhận*:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đ, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.